

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bình Dương

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 00121/BD-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Bình Dương, cấp ngày 14/12/2022.

Địa chỉ: 207 Yersin, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs CKII Lê Thành Trung

Điện thoại liên hệ: 0274.3859168

Email: bvyhct@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về việc Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:
 - + Đối tượng: Cử nhân Điều dưỡng
 - + Môn học: Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: 240 (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: 16 người trong đó gồm 10 Bác sĩ, 03 Điều dưỡng, 03 Kỹ thuật viên (Phụ lục 2).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng: 05 (Phụ lục 2)

Các khoa phòng tổ chức thực hành: Khoa Nội - Dinh dưỡng, Khoa Ngoại, Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh, Khoa Phục hồi chức năng, Khoa khám bệnh.

Số giường bệnh: 150 giường.
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: Phụ lục 3

Bệnh viện cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: Bảng cấp chuyên môn/chứng chỉ hành nghề của người giảng dạy thực hành; các bản Dự thảo kèm theo: Hợp đồng nguyên tắc các đối tượng thực hành cử nhân điều dưỡng, Danh sách giảng viên giảng dạy của cơ sở giáo dục, Kế hoạch thực hành của cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ. Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Trung



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH

STT	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hiện	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đại học	Điều dưỡng	Y học cổ truyền, Phục vụ động trị hội chức năng	- Xác định huyết trên cơ thể người. - Thực hiện một số kỹ thuật PHCN (đo tâm vận động khớp, vận động khớp, Phục vụ động trị liệu, VLTL...) - Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp. - Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc.	Khoa Khám bệnh	03	45	0	0	0
					Khoa Nội-DD	02	30	52	156	0
					Khoa Ngoại	01	15	26	78	0
					Khoa CC-DS	03	45	52	156	0
					Khoa PHCN	05	75	20	60	0
					BGD	01	15	0	0	0
					Phòng Điều dưỡng	01	15	0	0	0
Tổng cộng						16	240	150	450	0

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN YHCT

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa nội trú	Ngành, chuyên môn đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Hoàng Anh	Bác sĩ CK I	Bác sĩ YHCT, định hướng PHCN	002566/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT, Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ĐD, PHCN, VLTL	16 năm	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng (dành cho đối tượng cử nhân điều dưỡng)	Xác định huyết trên cơ thể người.	Khoa Phục hồi chức năng	0
2	Nguyễn Văn Quyền	Bác sĩ CK I	Bác sĩ YHCT, định hướng PHCN	002578/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT, Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ĐD, PHCN, VLTL	31 năm		Thực hiện một số kỹ thuật PHCN (đo tâm vận động khớp, vận động trị liệu, VLTL...)		20
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CK I	Bác sĩ YHCT, định hướng PHCN	0003927/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT, Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ĐD, PHCN, VLTL	22 năm				
4	Nguyễn Hà Lựa	Bác sĩ CK I	YHCT	002558/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	14 năm	Y học cổ truyền (dành cho đối tượng cử nhân điều dưỡng)	Xác định huyết trên cơ thể người.	Khoa Châm cứu- Dưỡng sinh	52
5	Nguyễn Thị Nguyệt	Bác sĩ CK I	YHCT	002563/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	22 năm				
6	Vương Ngọc Châu	ThS Bác sĩ	YHCT	0003640/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	17 năm		Xác định huyết trên cơ thể người.	Khoa Nội-Dinh Dưỡng	52
7	Phan Chính Ngọc	Bác sĩ CK I	YHCT	000073/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	28 năm		Xác định đúng 60 huyết thường dùng trên người.	Khoa Ngoại	26

TỈNH
BỆNH VIỆN
YHCT
CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa nội trú	Ngành, chuyên môn đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
8	Nguyễn Minh Tân	Bác sĩ CKI	YHCT	007846/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	5 năm		Xác định đúng 60 huyết thường dùng trên người.	Khoa Khám bệnh	0
9	Nguyễn Đức Vương	Bác sĩ	YHCT	007661/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	2 năm		Xác định đúng 60 huyết thường dùng trên người.	Khoa Nội DD	52
10	Kiều Mộng Hoàng Nhi	Bác sĩ CKI	YHCT	002557/BD-CCHN	Khám chữa bệnh YHCT	15 năm		Xác định đúng 60 huyết thường dùng trên người.	Khoa Khám bệnh	0
11	Nguyễn Thị Đoàn	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	005943/BD-CCHN	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT - BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	18 năm	Y học cổ truyền (dành cho đối tượng cử nhân Điều dưỡng)	1. Nhân định và lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp. 2. Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc.	Khoa Chăm cứu Dưỡng sinh	52

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa nội trú	Ngành, chuyên môn đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
12	Nguyễn Thị Hào	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	006687/BD-CCHB	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT - BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	21 năm	Y học cổ truyền (dành cho đối tượng cử nhân Điều dưỡng)	1. Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp. 2. Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc.	Khoa khám bệnh	0
13	Nguyễn Phan Hoàng Diệp	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	002631/BD-CCHN	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT - BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	21 năm	Y học cổ truyền (dành cho đối tượng cử nhân Điều dưỡng)	1. Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp. 2. Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc.	Phòng Điều dưỡng	0
14	Vũ Đồng Tháp	Cử nhân	KTV PHCN	035776/BYT-CCHN	Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	18 năm	Phục hồi chức năng	Thực hiện một số kỹ thuật PHCN (đo tâm vận động)	Khoa Phục hồi chức năng	20

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa nội trú	Ngành, chuyên môn đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghịem KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
15	Lê Như Quý	Cử nhân	KTV PHCN	0009497/ĐNAL- CCHN	Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	08 năm	Phục hồi chức năng	khớp, vận động tị liệu, VLTL...)		
16	Nguyễn Thị Hà	Cử nhân	KTV PHCN	035776/BYT-CCHN	Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế	06 năm				



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Tổng diện tích mặt bằng: 12.727 m²
2. Tổng diện tích xây dựng: 2.852 m²
3. Tổng Diện tích sàn sử dụng: 6.082 m²
4. Kết cấu xây dựng nhà: Công trình cấp III, 1 trệt, 2 lầu
5. Diện tích sử dụng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện): 40.5m²
6. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

1 Khoa Nội- Dinh dưỡng: 1.382 m²

+ Phòng trưởng khoa:	15 m ²
+ Phòng trực	15 m ²
+ Phòng nghỉ nhân viên	15 m ²
+ Phòng Hành chính	30m ²
+ Phòng bệnh 4 giường + WC (04 phòng)	15 m ²
+ Phòng bệnh 2 giường + WC (06 phòng)	15 m ²
+ Phòng bệnh 1 giường + WC (01 phòng)	15 m ²
+ Phòng thủ thuật (02 phòng)	15 m ²
+ Phòng dụng cụ	15 m ²
+ Các phòng khác	

2. Khoa Châm cứu dưỡng sinh

+ Phòng trưởng khoa	20 m ²
+ Phòng bác sĩ trực	20 m ²
+ Phòng hành chính	25 m ²
+ Phòng trực y tá	20 m ²
+ Phòng bệnh 1 giường + WC (02 phòng)	40 m ²
+ Phòng 2 giường + WC (12 phòng)	240 m ²

+ Phòng 4 giường + WC (06 phòng) 180 m²
+ Phòng chăm sóc bệnh nhân nặng 30 m²

+ Phòng dùng cụ 20 m²
+ Phòng thủ thuật 20 m²
+ Phòng tắm nắng 37,5 m²
+ Phòng sinh hoạt bệnh nhân 20 m²
+ Các phòng khác

3. Khoa Ngoại

+ Phòng tương khoa: 15 m²

+ Phòng trực 15 m²

+ Phòng nghỉ nhân viên 15 m²

+ Phòng Hành chính 30m²

+ Phòng bệnh 2 giường + WC (04 phòng) 80 m²

+ Phòng bệnh 4 giường + WC (03 phòng) 80 m²

+ Phòng bệnh 1 giường + WC (01 phòng) 15 m²

+ Phòng thủ thuật (03 phòng) 15 m²

+ Phòng dùng cụ 15 m²

+ Phòng hấp dụng cụ 15 m²

+ Phòng thăm mỷ 15 m²

+ Phòng khám trị 40 m²

+ Phòng rửa dụng cụ 6m²

+ Các phòng khác 246 m²

4. Khoa Dược

753.5 m²

5. Khoa Phục hồi chức năng

+ Phòng bệnh (02 phòng) 30 m²

+ Phòng thủ thuật (laser nội mạch) 15 m²

+ Phòng khám PHCN 15 m²

+ Phòng tập dụng cụ 15 m²

+ Phòng kéo cột sống 100 m²

+ Phòng siêu âm + điện phân + điện xung	15 m ²
+ Phòng tập vận động	100 m ²
+ Phòng xoa bóp	15 m ²
+ Phòng Paraphin	30 m ²
+ Phòng sóng ngắn, laser chiếu ngoài	15 m ²

6. Khoa cận lâm sàng

+ Phòng siêu âm, điện não	15 m ²
+ Phòng XN huyết học	15 m ²
+ Phòng XN sinh hóa	15 m ²
+ Phòng chụp Xquang	30 m ²
+ Phòng điện tim	15 m ²

7. Khoa Khám bệnh

+ Phòng tiếp nhận	30 m ²
+ Phòng khám (06 phòng)	90 m ²
+ Phòng điện châm nam	60 m ²
+ Phòng điện châm nữ	60 m ²
+ Phòng quang châm	15 m ²
+ Phòng thực hiện thủ thuật (cấy chỉ, tiêm khớp/gân...)	15 m ²
+ Các phòng khác	

8. Khoa Dược:

+ Kho chẩn dược liệu	30 m ²
+ Kho lẻ dược liệu	25 m ²
+ Kho chẩn thành phẩm	30 m ²
+ Kho lẻ thành phẩm	60 m ²
+ Kho vật tư y tế	15 m ²
+ Khu bào chế-sắc thuốc	100 m ²

8. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng (liệt kê cụ thể)

9. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³. Ngày/đêm (của cụm y tế) được vận hành 24/24h do đơn vị tư vấn Công ty TNHH TM XD Môi Trường Nam Việt chịu trách nhiệm.

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:

- Rác y tế: Hợp đồng với Công ty có phân nước môi trường Bình Dương đến lấy và xử lý.

- Rác sinh hoạt: Hợp đồng với Hợp tác xã môi trường Bình Dương đến lấy mỗi ngày 1 lần.

10. An toàn bức xạ: Giấy phép số 31/GP.ATBX-SKHCHN ngày 28/7/2021

11. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy:

Bệnh viện có lắp đặt hệ thống phòng chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động theo địa chỉ

b) Khí y tế: Không có

c) Máy phát điện:

Máy phát điện công suất 388 KVA đủ để phát điện cho toàn bệnh viện khi cúp điện.

d) Thông tin liên lạc:

Trang bị điện thoại, hệ thống mạng Internet đầy đủ cho tất cả các khoa, phòng

11. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

II. TRANG THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng
I						
1	Bình oxy	OX	Việt Nam	Việt Nam	2006	2
2	Bóp bóng người lớn	BBL\	Việt Nam	Việt Nam	2013	1
3	Bóp bóng trẻ em	BBTE	Việt Nam	Việt Nam	2013	1
4	Box thụt tháo	BTT	Việt Nam	Việt Nam	2006	1
5	Máy hút đàm nhớt	HDN	Italia	Italia	2013	2
6	Đèn Hồng ngoại	DHN	Việt Nam	Việt Nam	2006	10
7	Máy điện châm 6 đầu	KDW- 808I	Wujin Greatwall	Trung quốc	2019	45
8	Máy điện châm không dùng kim	Pointron 802	Daeyang	Hàn Quốc	2019	1
9	Máy đo nồng độ oxy trong máu SpO2 và nhịp tim Beurer PO40	Beurer	Beurer	Đức	2020	01

10	Thiết bị Laser bán dẫn hồng ngoại châm cứu 10 đầu châm	03.T0026	Việt Nam	Việt Nam	2011	1
11	Máy quang châm 10 đầu	03.T0081	Việt Nam	Việt Nam	2001	1
12	Máy Laser quang châm 5 đầu châm	03.T004	Việt Nam	Việt Nam	2000	1
13	Máy quang trị liệu 2 đầu	03.T009	Việt Nam	Việt Nam	2001	1
14	Máy Laser chiếu ngoài	03.T010	Việt Nam	Việt Nam	2011	1
15	Máy Laser nội mạch	03.T011	Việt Nam	Việt Nam	2011	3
II						
1	Bóp bóng người lớn	BBL	Việt Nam	Việt Nam	2013	1
2	Máy hút đàm nhớt	HDN	Italia	Italia	2013	1
3	Đèn Hồng ngoại	DHN	Việt Nam	Việt Nam	2006	15
4	Máy điện châm 6 đầu	KDW-8081	Wujin Greatwall	Trung quốc	2018	30
5	Máy điện châm không dùng kim	Pointron 802	Daeyang	Hàn Quốc	2018	3

6	Thiết bị Laser bán dẫn hồng ngoại châm cứu 10 đầu châm	03.T0026	Việt Nam	Việt Nam	2011	6
7	Thiết bị Laser bán dẫn hồng ngoại quang trị liệu 2 bước sóng	03.T003	Việt Nam	Việt Nam	2011	2
8	Máy Laser quang châm 5 đầu châm	03.T004	Việt Nam	Việt Nam	2000	2

III

1	Bóp bóng người lớn	BBL	Việt Nam	Việt Nam	2013	1
2	Box thực tháo	BTT	Việt Nam	Việt Nam	2006	2
3	Máy hút đàm nhớt	HDN	Italia	Italia	2013	1
4	Đèn Hồng ngoại	DHN	Việt Nam	Việt Nam	2006	3
5	Máy điện châm 6 đầu	KDW- 808I	Wujin Greatwall	Trung quốc	2019	15
6	Máy điện châm không dùng kim	Pointron 802	Daeyang	Hàn Quốc	2019	1
7	Thiết bị Laser bán dẫn hồng ngoại châm cứu 10 đầu châm	03.T0026	Việt Nam	Việt Nam	2011	1
8	Thiết bị laser thâm mỹ LPT	03.T001	Trung quốc	Trung quốc	2009	1

9	Máy Laser chiếu ngoài	03.T010	Việt Nam	Việt Nam	2011	1
10	Máy điều trị và chăm sóc da	HS 300C	Trung Quốc	Trung Quốc	2017	1
11	Ổng nông hậu môn	OHM	Việt Nam	Việt Nam	2016	20
12	Máy ép hàn túi tiết trùng	04.H035	HAWO	Đức	2016	1
13	Máy hấp tiệt trùng 167 lít	04.H036	Matachana	Tây Ban Nha	2016	1

IV

1	Box thực thảo	BT	Việt Nam	Việt Nam	2006	1
2	Máy hút đàm nhớt	HDN	Italia	Italia	2013	2
3	Đèn Hồng ngoại	DHN	Việt Nam	Việt Nam	2018	3
4	Máy điện châm 6 đầu	KDW- 808I	Wujin Greatwall	Trung quốc	2019	20
5	Máy điện châm không dùng kim	Pointron 802	Daeyang	Hàn Quốc	2019	1
6	Thiết bị Laser bán dẫn hồng ngoại châm cứu 10 đầu châm	03.T0026	Việt Nam	Việt Nam	2011	1
7	Máy quang trị liệu 2 đầu	03.T009	Việt Nam	Việt Nam	2001	1

1	Bóp bóng người lớn	BBL	Việt Nam	Việt Nam	2013	1
V						
1	Đèn Hồng ngoại	DHN	Việt Nam	Việt Nam	2018	2
2	Máy điện châm 6 đầu	KDW- 808I	Wujin Greatwall	Trung quốc	2018	10
3	Bơi thuyền	BT	Phana	Việt Nam	2006	4
4	Bơi thuyền tập đa năng PN09	PN09	Phana	Việt Nam	2014	4
5	Dụng cụ quay khớp cổ tay sắt	DC1	Phana	Việt Nam	2006	5
6	Dụng cụ tập cổ chân cơ bắp	DC2	Phana	Việt Nam	2006	7
7	Dụng cụ tập cổ chân kéo giãn gân gót	DC3	Phana	Việt Nam	2006	10
8	Dụng cụ tập khớp gối sắt	DC4	Phana	Việt Nam	2006	2
9	Dụng cụ tập khớp gối sắt PN07S	PN07s	Phana	Việt Nam	2014	2
10	Dụng cụ tập khớp gối Inox PN07I	PN07I	Phana	Việt Nam	2014	2
11	Dụng cụ tập khớp háng	DC 5	Phana	Việt Nam	2006	4

12	Ghế tập cơ đùi	GTMD	Phana	Việt Nam	2006	3
13	Ghế tập mạnh 2 chân	GTMC	Phana	Việt Nam	2006	4
14	Ghế tập mạnh tay chân	GTMTC	Phana	Việt Nam	2006	6
15	Ghế tập mạnh tay chân PN23	PN23	Phana	Việt Nam	2014	4
16	Giàn ròng rọc kéo trợ giúp tay cổ	GRR	Phana	Việt Nam	2006	2
17	Giàn tập mạnh cơ cánh tay	GTMT	Phana	Việt Nam	2006	3
18	Giường massa sắt , nệm	GMS	Phana	Việt Nam	2006	2
19	Giường xuyên quay tập đứng	GXD	Phana	Việt Nam	2006	2
20	Giường đa năng	GDN	Hồng Kỳ	Việt Nam	2014	3
21	Khung tập quay khớp vai	KQV	Phana	Việt Nam	2006	1
22	Nệm giữ gối tập đi	NEP	Phana	Việt Nam	2006	2
23	Thanh song tập đi	STD	Phana	Việt Nam	2006	1
24	Bàn massa inox + nệm	GMS	Phana	Việt Nam	2009	13
25	Máy massa	MMS	Thanh Sơn	Việt Nam	2019	2

26	Bàn lăn massage chân tay MN – MCT	BLPN09	Phana	Việt Nam	2014	8
27	Bàn tập cơ bản tay – ngón tay PN19	BT PN19	Phana	Việt nam	2014	2
28	Bảng chữ cái MN BC	MNBC	Phana	Việt Nam	2014	2
29	Bảng đếm số MN BS	MNBS	Phana	Việt Nam	2014	2
30	Bóp tay lò xo gỗ MN BTG	MNBTG	Phana	Việt Nam	2014	4
31	Bồn nấu parafin	BPFIN	Phana	Việt Nam	2007	2
32	Bồn thủy lực điều trị chân 1110T	1110T	AC International	AC International – Ý	2014	2
33	Chỉnh đồng hồ gỗ MN TDH	MNTDH	Phana	Việt nam	2014	2
34	Dụng cụ tập cổ chân và cơ bắp chân PN15	DCPN15	Phana	Việt Nam	2014	4
35	Dụng cụ tập cổ chân và kéo dẫn gân gót	DC KGG	Phana	Việt Nam	2014	6
36	Dụng cụ tập khớp hông PN08	DCPN08	Phana	Việt Nam	2014	2
37	Dụng cụ tập xoay cổ tay PN10	DCPN10	Phana	Việt Nam	2014	2

38	Ghế tập đa năng PN11	GHE PN11	Phana	Việt Nam	2014	2
39	Ghế tập mạnh 2 chân PN04	GHE PN04	Phana	Việt Nam	2014	2
40	Thiết bị từ trị liệu tần số thấp vi xử lý (Gối từ trường + máy)	03.T004	Viện nghiên cứu sinh học	Việt Nam	2011	2
41	Giàn tập mạnh cơ cánh tay PN22	GP22	Phana	Việt Nam	2014	2
42	Giường kéo cột sống tự động + máy	TM400	Ito	Nhật Bản	2005	1
43	Máy kéo giãn cột sống cổ, ngực lưng tự động	TM-400-1F	Ito	Nhật Bản	2017	3
44	Hệ thống máy kéo giãn cột sống cổ, ngực, lưng	TM-400-1E	Ito	ITO JAPAN	2012	4
45	Hệ thống tập phục hồi chức năng bằng lập trình kỹ thuật số	ISO FORCE	TUR	CHLB Đức	2017	1
46	Máy kích thích điện và điện phân thuốc	Stimutur	TUR	TUR/Đức	2017	1
47	Máy laser bán dẫn điều trị	Lumix	Fisioline	/Ý	2017	2

48	Máy laser quang châm nội mạch	CE 600	ĐH Bách Khoa	VN	2018	2
49	Máy điều trị bằng sóng xung kích	RSK – 600		Ý	2018	1
50	Máy điều trị siêu âm kết hợp điện xung, điện phân	EU-941; SU 540	Ito	Nhật bản	2018	1
51	Máy điều trị bằng nhiệt rung từ Model HM 204	HM 204	Ito	Ito Nhật Bản	2014	1
52	Máy điều trị bằng nhiệt rung, từ 4 kênh	MHR – 4	Minato	Nhật Bản Hãng sản xuất: Minato	2015	1
53	Máy điều trị siêu âm đa tần	US 750	Ito	ITO Nhật Bản	2016	1
54	Máy nén ép liên tục và ngắt quãng	Medomer DM- 500	Ito	ITO Nhật Bản	2016	2
55	Máy xoa bóp áp lực hơi	UAM-9100	Maxstar	Hàn Quốc	2019	2
56	Máy nén ép liên tục và ngắt quãng (Xoabóp áp lực hơi)	MEDOMER DM -5000	Ito	ITO JAPAN	2012	1
57	Máy siêu âm đa tần US 750	03.M006	Ito	Nhật Bản	2011	1

58	Máy siêu âm URS 100	03.M007	Ito	Nhật Bản	2011	1
59	Máy sóng ngắn shortware	03.M008	Ito	Nhật Bản	2011	1
60	Máy vi sóng PM 820	03.M009	Ito	Nhật Bản	2011	1
61	Khung quay tập khớp vai PN05	PN05	Phana	Việt Nam	2014	2
62	Tập bàn tay (Xoắn) PN TBT	PN TBT	Phana	Việt Nam	2014	2
63	Tập đóng đinh gỗ MN TDD	MN TDD	Phana	Việt Nam	2014	2
64	Thang gỗ gắn tường PN27	PN27	Phana	Việt Nam	2014	2
65	Thang nấc tập khớp vai (cong) PN06C	PN06C	Phana	Việt Nam	2014	2
66	Thang nấc tập khớp vai (thẳng) PN06T	PN06T	Phana	Việt Nam	2014	2
67	Xếp đa hình qua lỗ giảm dần MN XDHG	MN XDHG	Phana	Việt Nam	2014	2
68	Xếp gỗ đa hình MN XDH	MN XH	Phana	Việt Nam	2014	2
69	Xếp hàng rào MN XHR	MN XHR	Phana	Việt Nam	2014	2

70	Xếp hình trụ gỗ giảm dần MN XHTG	MN XHTG	Phana	Việt Nam	2014	2
71	Xếp trụ tròn nhỏ dần MN XTND	MN XTND	Phana	Việt Nam	2014	2
72	Bộ dụng cụ phục hồi chức năng		Phana	Việt Nam	2019	1
73	Máy xông xoang	NEC 900	Omron	Trung Quốc	2017	2
VI						
1	Hệ thống sắc thuốc hơi nước			Việt Nam	2011	8
2	Hệ thống sắc thuốc đóng túi			Trung quốc	2011	2
3	Máy sấy dược liệu			Trung quốc	2011	1
4	Máy thái dược liệu			Trung quốc	2011	1

SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG
BỆNH VIỆN YHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/HĐTH-YHCT

Bình Dương, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 207, Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274. 3822305 – 0274. 3859074

Đại diện là Ông: LÊ THÀNH TRUNG

Chức vụ: giám đốc

BÊN B: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274. 3822 518

Đại diện là Ông: TS ĐOÀN NGỌC XUÂN

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành:

- Ngành đào tạo: **ĐIỀU DƯỠNG**
- Hệ đào tạo: **ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**
- Khóa học: **2026 – 2029 (Khóa 1)**

2. Số lượng người thực hành dự kiến: 200, chia thành nhiều nhóm đi luân phiên.

3. Người hướng dẫn thực hành:

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành:

- Số lượng: 03
- Trình độ chuyên môn (Phụ lục 1 – Danh sách người giảng dạy thực hành của BV YHCT tỉnh, ngành Điều dưỡng hệ Đại học chính quy).

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục:

- Số lượng: 01
- Trình độ chuyên môn (Phụ lục 2 – Danh sách người giảng dạy thực hành của trường ngành Điều dưỡng hệ đại học chính quy).

4. Nội dung chuyên môn thực hành: Y học cổ truyền,
5. Thời gian thực hành: 45 giờ
6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương.
7. Chi phí thực hành: theo thỏa thuận giữa hai bên.
8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2029.
9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: Chương trình đào tạo thực hành ngành Điều dưỡng đại học chính quy được phê duyệt theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt
2. Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:
 - a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
 - b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
2. Bên A có nghĩa vụ:
 - a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
 - c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
 - d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - đ) Đánh giá và xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.
 - e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm:
 - Người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
 - Học viên thực hành của cơ sở mình khi tham gia thực hành tại cơ sở thực hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
- 2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
- 3. Hợp đồng này làm thành bốn bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản./.

BÊN A

BÊN B

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

(Ban hành kèm Hợp đồng số/HĐTH-YHCT ngày tháng năm 2025)

- Ngành đào tạo: **DIỀU DƯỠNG**
- Trình độ: **Đại học chính quy**
- Địa điểm thực hành: **Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương**

STT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Chứng chỉ NVSP	Số năm kinh nghịem KCB	Tín chỉ/ Học phần	Khoa phụ trách
1	Đỗ Thị Thùy Linh	Tiến sĩ	Quản lý Điều dưỡng	x	x	4	Thực hành lâm sàng YHCT, Phức hội chức năng	Bộ môn Điều dưỡng - Viện Đào tạo Y Dược - Trường Đại học Thủ Dầu Một

KẾ HOẠCH THỰC HÀNH - NĂM HỌC 2027-2028

LỚP CỬ NHÂN ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG 01

(Kèm công văn số: ... /ĐHTDM-VĐTYD, ngày / / 2027

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Ngành đào tạo: ĐIỀU DƯỠNG

1.2. Hệ đào tạo: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1.3. Khóa học: 2026 - 2029

1.4. Sĩ số lớp: 200 Sinh viên, chia làm 20 nhóm: Mỗi nhóm 10 SV

1.5. Thời gian thực hành

Từ 13/9/2027 – 10/12/2027 (12 tuần), mỗi nhóm thực hành 01 tuần (sáng).

1.6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương

1.7. Nội dung thực hành

STT	Tên môn học	Số tiết thực hành	Giảng viên phụ trách
1	Thực hành Y học cổ truyền	60	TS Đỗ Thị Thùy Linh
2	Thực hành Phục hồi chức năng	60	TS Đỗ Thị Thùy Linh

2. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Thực hành Y học cổ truyền

2.1.1. Mục tiêu chung

- Về kiến thức:

+ Nắm rõ nguyên tắc và kỹ thuật trong chăm sóc điều dưỡng bằng các phương pháp y học cổ truyền như châm - cứu trên huyệt đạo, xoa bóp

- Về kỹ năng:

+ Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại bệnh viện

+ Xác định đúng 60 huyệt thường dùng trên người.

+ Thực hiện được các thủ thuật xoa bóp hỗ trợ phòng và điều trị một số bệnh thông thường.

+ Rèn luyện những kỹ năng cần thiết giúp người điều dưỡng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong chăm sóc người bệnh tại 01 cơ sở điều trị bằng phương pháp Y học cổ truyền.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Hết lòng phục vụ người bệnh, bảo đảm an toàn cho người bệnh

+ Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với bệnh nhân, gia đình và cộng đồng.

2.1.2. Nội dung tổng quát và chỉ tiêu cụ thể môn học

TT	NỘI DUNG THỰC TẬP	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Chăm sóc NB tai biến mạch máu não bằng phương pháp y học cổ truyền.	10	
2	Chăm sóc NB thiếu máu cục bộ cơ tim bằng phương pháp y học cổ truyền.	10	
3	Chăm sóc NB loãng xương bằng phương pháp y học cổ truyền.	10	
4	Chăm sóc NB thoái hóa khớp bằng phương pháp y học cổ truyền.	10	
5	Chăm sóc NB viêm đa rễ thần kinh bằng phương pháp y học cổ truyền.	10	
6	Ôn tập - Thi kết thúc môn học	10	

2.2. Thực hành Phục hồi chức năng dành cho điều dưỡng

2.2.1. Mục tiêu chung

Áp dụng kiến thức lý thuyết về cơ chế bệnh học vào các kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân theo phương pháp y học cổ truyền.

Phân tích được nguyên lý phục hồi chức năng cho mỗi loại bệnh khác nhau.

Thực hiện được một số kỹ thuật chăm sóc điều trị phục hồi chức năng cơ bản trên người bệnh.

Giao tiếp tốt với bệnh nhân và người nhà, chia sẻ về những vấn đề liên quan đến bệnh.

2.2.2. Nội dung tổng quát và chỉ tiêu cụ thể môn học

TT	NỘI DUNG THỰC TẬP	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Bài 1. Thực hành đo tầm vận động của khớp vai, khớp gối, đo độ giãn cột sống thắt lưng, đo độ giãn toàn bộ cột sống	10	
2	Bài 2. Thực hành kỹ thuật thả cơ bằng tay ở cơ Delta, cơ gập cẳng chân Bài 3. Thực hành kỹ thuật xoa bóp thắt lưng - lưng, cổ vai gáy	10	
3	Bài 4. Thực hành phục hồi chức năng liệt: tạo thuận từ nằm sang ngồi, từ nằm sang đứng	10	
4	Bài 5. Thực hành các kỹ thuật điện xung, sóng ngắn, hồng ngoại.	10	
5	Bài 5. Thực hành các kỹ thuật kéo giãn cột sống thắt lưng và cột sống cổ	10	

6	Ôn tập - Thi kết thúc môn học	10	
---	-------------------------------	----	--

3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

3.1. Yêu cầu chung

- Chấp hành nội qui của bệnh viện và khoa, phòng thực tập;
- Trang phục đúng theo qui định, gọn gàng, sạch sẽ;
- Đảm bảo giờ giấc thực tập đúng qui định;
- Chấp hành nghiêm sự phân công của khoa, phòng nơi thực tập;
- Quan hệ tốt với nhân viên bệnh viện, tôn trọng người bệnh và người nhà của người bệnh;
- Tham gia và thực hiện tốt công tác quản lý buồng bệnh, thực hiện y lệnh, bảo quản trang thiết bị dụng cụ y tế và tài sản của khoa.

3.2. Yêu cầu về chuyên môn

- Tại mỗi khoa Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu;
- Sau khi kết thúc thực tập tại mỗi khoa, phòng, Sinh viên nộp cho Giảng viên hướng dẫn:
 - + Kế hoạch chăm sóc theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn;
 - + Báo cáo cuối đợt thực tập.

4. ĐÁNH GIÁ

4.1. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên đạt khi:

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực tập tại bệnh viện
- Điểm kiểm tra dựa vào bảng đánh giá ≥ 5 (theo thang điểm 10)

4.2. Phương pháp đánh giá thực tập:

Nội dung đánh giá	Thực tập đầy đủ Tác phong Giao tiếp	Mức độ hoàn thành chỉ tiêu			Tổng
		KHCS	Thủ tục hành chính chuyên môn	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc	
Tỷ lệ	30% (3 điểm)	30% (3 điểm)	10% (1 điểm)	30% (3 điểm)	100% (10 điểm)

HIỆU TRƯỞNG

